TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2024/QĐST-DS	*Long Hồ, ngày 08 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2021/TLST-DS, ngày 17 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Nguyễn Nghĩa N**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số H đường Đ, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Trần Thanh H** – thuộc Công ty L1 – Đoàn Luật sư tỉnh V.

Bị đơn: + Ông **Trần Quang D**, sinh năm 1978.

+ Bà **Trần Thị Ngọc H1**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Số A ấp P, xã Đ, huyện L, Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Lôi Thị D1** – Văn phòng Luật sư Lôi Thị D1 – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ **Bà Nguyễn Thu T**, sinh năm 1959.

+ Anh **Trần Nguyễn Hiếu N1**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Số H đường Đ, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thu T và anh Trần Nguyễn Hiếu N1: Anh **Trần Nguyễn Nghĩa N**, sinh năm 1993 (theo văn bản uỷ quyền ngày 09/4/2021).

Địa chỉ: Số H đường Đ, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ **Nguyễn Thị Thùy T1**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số H, ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ **Nguyễn Huy H2**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số C đường B, phường D, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà **Trần Thị Ngọc L**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số B, phường B, đường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

+ Bà **Trần Thị Tú Q**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Q: Trợ giúp viên pháp lý **Nguyễn Thị Hồng T2** – thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh V.

+ Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Số A ấp P, xã Đ, huyện L, Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1./ Công nhận cho bà Nguyễn Thu T, anh Trần Nguyễn Nghĩa N, anh Trần Nguyễn Hiếu N1, chị Nguyễn Thị Thùy T1, anh Nguyễn Huy H2 được quyền sử dụng phần đất thuộc chiết thửa đất số 484 (thửa mới là 382-3-1, 382-4-1), diện tích đo đạc thực tế là 166,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 0001, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long để làm lối đi chung.

Đối với hàng rào móng trụ đà bê tông cốt thép, vách tường lửng, khung lưới B40 trên phần diện tích đất làm lối đi chung anh Trần Quang D tự nguyện tháo dỡ, di dời, không yêu cầu bà Nguyễn Thu T, anh Trần Nguyễn Nghĩa N, anh Trần Nguyễn Hiếu N1, chị Nguyễn Thị Thùy T1, anh Nguyễn Huy H2 phải bồi hoàn giá trị hàng rào cho anh D.

Buộc anh Trần Quang D có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thu T, anh Trần Nguyễn Nghĩa N, anh Trần Nguyễn Hiếu N1, chị Nguyễn Thị Thùy T1, anh Nguyễn Huy H2 phần đất thuộc chiết thửa đất số 484 (thửa mới là 382-3-1, 382-4-1), diện tích đo đạc thực tế là 166,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 0001, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2.2./ Chia thừa kế cho bà Nguyễn Thu T, anh Trần Nguyễn Nghĩa N và anh Trần Nguyễn Hiếu N1 được quyền quản lý, sử dụng chiết thửa đất số 484 (thửa mới là 382-3-3, 382-4-2, 382-6) cùng toàn bộ cây trồng trên đất, diện tích đo đạc thực tế là 3.208,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 0001, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc anh Trần Quang D có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thu T, anh Trần Nguyễn Nghĩa N, anh Trần Nguyễn Hiếu N1 phần đất thuộc chiết thửa đất số 484 (thửa mới là 382-3-3, 382-4-2, 382-6) cùng toàn bộ cây trồng trên đất, diện tích đo đạc thực tế là 3.208,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 0001, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Bà T, anh Nghĩa N, anh Hiếu N1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cây trồng trên đất cho anh Doanh số tiền là 127.331.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi mốt nghìn đồng) (Theo Biên bản định giá tài sản ngày 20/10/2022 của Hội đồng định giá và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2023).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3./ Giao cho anh Trần Quang D được quyền quản lý, sử dụng căn nhà trệt độc lập, móng, khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tole, vách tường, nền lát gạch men, có trần. Căn nhà tọa lạc tại chiết thửa 484 (thửa mới là 382-2-1), diện tích đo đạc thực tế là 366,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 0001, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Anh D được quyền sử dụng căn nhà này vào việc thờ cúng, không được chuyển nhượng, tặng cho, cầm cố, thế chấp hoặc bất kỳ hình thức chuyển quyền sở hữu nào đối với căn nhà nêu trên.

Giao cho anh Trần Quang D được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc chiết thửa 484 (thửa mới là 382-1-1), diện tích đo đạc thực tế là 518,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 0001, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Giao cho anh Trần Quang D được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 515 (thửa mới là 396), tờ bản đồ số 001, diện tích đo đạc thực tế là 262,2m^2, loại đất nghĩa địa do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2.4./ Giao cho chị Trần Thị Ngọc H1 được quyền quản lý, sử dụng căn nhà trệt độc lập, khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tole, vách tường, nền lát gạch men, có trần. Căn nhà tọa lạc tại chiết thửa 484 (thửa mới là 382-5), diện tích đo đạc thực tế là 237,6m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 0001, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thu T, anh Trần Nguyễn Nghĩa N, anh Trần Nguyễn Hiếu N1, chị Nguyễn Thị Thùy T1, anh Nguyễn Huy H2 không yêu cầu chị H1 phải bồi hoàn giá trị chiết thửa đất số 484 (thửa mới là 382-5) cho các đương sự nêu trên.

2.5./ Chia thừa kế cho chị Nguyễn Thị Thùy T1 và anh Nguyễn Huy H2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc chiết thửa đất số 484 (thửa mới là 382-3-2, 382-1-2, 382-2-2) cùng toàn bộ cây trồng trên đất, tờ bản đồ số 001, diện tích đo đạc thực tế là 1.632,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc anh Trần Quang D có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị Thùy T1 và anh Nguyễn Huy H2 phần đất thuộc chiết thửa đất số 484 (thửa mới là 382-3-2, 382-1-2, 382-2-2) cùng toàn bộ cây trồng trên đất, tờ bản đồ số 001, diện tích đo đạc thực tế là 1.632,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Chị T1 và anh H2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cây trồng trên đất cho anh Doanh số tiền là 68.463.000 đồng (Sáu mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng) (Theo Biên bản định giá tài sản ngày 20/10/2022 của Hội đồng định giá và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2023).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

(Kèm theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 05/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và Sơ đồ chia tách thửa đất)

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định.

2.6./ Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Quang D tự tháo dỡ, di dời 01 căn nhà củi (nhà trệt liền kề, cột bê tông chôn chân, mái lợp tole, vách lưới B40, nền láng xi măng, không trần) do anh D xây dựng trên thửa đất số 382-2-2, không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy T1 và anh Nguyễn Huy H2 phải bồi hoàn giá trị nhà cho anh D.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Quang D tự tháo dỡ, di dời 01 nhà vệ sinh không còn sử dụng, khung cột gạch, không mái (chỉ còn tường xung quanh) hiện không còn giá trị do anh D xây dựng, không yêu cầu các đương sự phải bồi hoàn giá trị cho anh D.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Quang D tự di dời 04 cây mai vàng và 800 cây bông trang theo Biên bản định giá tài sản ngày 20/10/2022 của Hội đồng định giá, không yêu cầu các đương sự bồi hoàn đối với số cây trồng này.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Ngọc H1 tự tháo dỡ, di dời 01 chuồng heo (cột trụ đá, mái tole, tường lửng, nền xi măng) hiện không còn giá trị sử dụng trên chiết thửa đất số 484 (thửa mới là 382-4-2) do chị H1 xây dựng, không yêu cầu bà Nguyễn Thu T, anh Trần Nguyễn Nghĩa N và anh Trần Nguyễn Hiếu N1 phải bồi hoàn giá trị cho chị H1.

Đối với các phần mộ trên chiết thửa đất số 484 (thửa mới là 382-3-2, 382-3-3) các đương sự thỏa thuận vẫn giữ nguyên hiện trạng trên đất, không có yêu cầu gì đối với các phần mộ này.

2.7./ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 608m^2 tại chiết thửa đất số 484, tờ bản đồ số 001 loại đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2.8./ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc L về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 608m^2 tại chiết thửa đất số 484, tờ bản đồ số 001 loại đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2.9./ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tú Q về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 608m^2 tại chiết thửa đất số 484, tờ bản đồ số 001 loại đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho cụ Trần Văn D2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2.10./ *Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản:* Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 8.831.000 đồng (Tám triệu, tám trăm ba mươi mốt nghìn) được chia như sau:

Bà Nguyễn Thu T, anh Trần Nguyễn Nghĩa N và anh Trần Nguyễn Hiếu N1 có nghĩa vụ liên đới nộp chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản số tiền là 2.944.000 đồng (Hai triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), các đương sự đã nộp xong.

Anh Trần Quang D, chị Trần Thị Ngọc H1 có nghĩa vụ liên đới nộp chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản số tiền là 2.944.00 đồng (Hai triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ để hoàn trả cho anh Trần Nguyễn Nghĩa N.

Chị Nguyễn Thị Thùy T1 và anh Nguyễn Huy H2 có nghĩa vụ liên đới nộp chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản số tiền là 2.944.000 đồng (Hai triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ để hoàn trả cho anh Trần Nguyễn Nghĩa N.

2.11./ *Về chi phí giám định chữ ký và chữ viết:*

Chi phí giám định chữ ký và chữ viết số tiền là 14.100.000 đồng (Mười bốn triệu, một trăm nghìn đồng), anh Trần Quang D tự nguyện nộp chi phí giám định chữ ký và chữ viết này, anh D đã nộp xong.

2.12./ *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thu T, anh Trần Nguyễn Nghĩa N và anh Trần Nguyễn Hiếu N1 mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.536.000 đồng (Ba triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Do bà T là người cao tuổi theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh N, anh N1 vẫn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006552 ngày 17/3/2021, số 0003481 ngày 27/12/2021, buộc anh N và anh N1 mỗi người phải nộp thêm số tiền là 3.236.000 đồng (Ba triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Anh Trần Quang D có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.080.000 đồng (Ba triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006745 ngày 17/5/2021, ông D còn phải nộp thêm số tiền 496.000 đồng (Bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Chị Trần Thị Ngọc H1 có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 522.000 đồng (Năm trăm hai mươi hai nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006746 ngày 17/5/2021, hoàn trả cho chị H1 số tiền còn lại là 2.062.000 đồng (Hai triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Chị Nguyễn Thị Thùy T1 và anh Nguyễn Huy H2 có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.668.000 đồng (Năm triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003494 ngày 04/01/2022, hoàn trả cho chị T1 và anh H2 số tiền còn lại là 792.000 đồng (Bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Hoàn trả cho chị Trần Thị Ngọc L số tiền tạm ứng án phí 1.337.600 đồng (Một triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003495 ngày 04/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 10;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Mai Ka